CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: 02 Nguyễn Trãi - Tp Đông Hà - Quảng Trị

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG 4
1. Thông tin khái quát 4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 6
4. Định hướng phát triển 10
5. Các rủi ro 11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 12
2. Tổ chức và nhân sự 13
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 21
4. Tình hình tài chính 22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 23
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 25
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty) 28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 28
2. Tình hình tài chính 29
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. 30
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai. 30
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 31
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty 31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội 32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 33
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 34
1. Hội đồng quản trị 34
2. Ban Kiểm soát 39
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát. .. 44
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 45
1. Ý kiến kiểm toán 45
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 45

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 – 2020 12
Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2019-2020 13
Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2019-2020 13
Bảng số 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành tính đến ngày 31/12/2020 13
Bảng số 5: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 20
Bảng số 6: Tình hình tài chính của Công ty năm 2019 – 2020 22
Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2019-2020 22
Bảng số 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2020 23
Bảng số 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2020 24
Bảng số 10: Danh sách cổ đông sáng lập 24
Bảng số 11: Mức lương trung bình đối với người lao động 26
Bảng số 12: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019-2020 28
Bảng số 13: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 29
Bảng số 14: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019-2020 29
Bảng số 15: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị 34
Bảng số 16: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát 40
Bảng số 17: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT 44

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Mô hình quản trị Công ty……...6

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
QĐ	Quyết định
UBND	Ủy ban nhân dân
TSCĐ	Tài sản cố định
BCTC	Báo cáo tài chính
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CA	Công an
TP	Thành phố
CMND	Chứng minh nhân dân

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	3200041908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 19/11/2007 và thay đổi lần thứ 3 ngày 16/11/2016
Vốn điều lệ	:	182.332.690.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	182.332.690.000 đồng
Địa chỉ	:	Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Số điện thoại	:	(0233) 3 555869
Số fax	:	(0233) 3 852062
Website	:	http://qtwaco.vn/
Mã chứng khoán	:	NQT

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị tiền thân là Xí nghiệp nước Đông Hà, được thành lập ngày 14/07/1977 dưới sự lãnh đạo trực tiếp của UBND tỉnh và sở Xây Dựng Quảng Trị, chính thức được chuyển đổi sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/06/2007. Quá trình phát triển của Công ty như sau:

Trước năm 1972: Thị xã Đông Hà là địa bàn phục vụ chủ yếu cho chiến tranh xâm lược của Mỹ và Ngụy quyền Sài Gòn. Cơ sở hạ tầng không được chú trọng đầu tư, không có Nhà máy nước, nhân dân tự đào giếng để sinh hoạt. Đông Hà - Quảng Trị được giải phóng năm 1972 và Miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/04/1975, là mảnh đất bị bom đạn tàn phá hầu hết các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng.

Tháng 5/1976 hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên, tháng 11/1976, UBND tỉnh Bình Trị Thiên phê duyệt dự án xây dựng Nhà máy nước Đông Hà với tổng mức đầu tư năm 1977: 564.323 đồng, năm 1978: 682.091 đồng và năm 1979: 894.822 đồng. Công suất thiết kế 7.000 m3/ngày-đêm.

Để quản lý đầu tư xây dựng, UBND tỉnh Bình Trị Thiên đã có quyết định số 780 QĐ/UB ngày 12/03/1977 về việc thành lập Ban kiến thiết Xí nghiệp nước Đông Hà, ngày 14/07/1977 khánh thành Nhà máy và đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, trong thời kỳ này sản lượng thực tế sản xuất đạt 14.000 m3/năm, năm 1978 là 210.000 m3/năm, lực lượng quản lý và công nhân kỹ thuật chỉ có 15 người, trong đó có 01 Kỹ sư Cấp nước, 01 Trung cấp Kế toán số còn lại là trưởng thành trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau 10 năm đi vào hoạt động số Lao động tăng

lên 71 người, sản lượng sản xuất đạt 540.000 m3/năm, nhiệm vụ chủ yếu là cấp nước chưa qua xử lý phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn Thị xã Đông Hà.

Năm 1989: Tỉnh Quảng Trị được lập lại sau khi chia tách tỉnh Bình Trị Thiên (tháng 7/1989), Xí nghiệp nước Đông Hà trực thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Xây Dựng Quảng Trị.

Năm 1990: Xí nghiệp nước Đông Hà được UBND tỉnh, Sở Xây Dựng phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng nâng cấp bằng nguồn vốn ngân sách nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước sạch của nhân dân thị xã Đông Hà. Sau gần 15 năm đưa vào sử dụng, khai thác vận hành cấp nước, tháng 5/1991 chính thức cung cấp nước sạch cho nhân dân bằng công nghệ xử lý hoá chất tại khu xử lý trạm bơm cấp II - Đông Hà, đây là một sự phấn đấu nỗ lực của CBCNV trong toàn Xí nghiệp.

Ngày 28/11/1992, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 742 QĐ/UB chuyển Xí nghiệp nước Đông Hà thành Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị.

Tuy gặp nhiều khó khăn do điều kiện của một tỉnh còn nghèo, cơ sở hạ tầng kém phát triển, thời tiết khắc nghiệt, nhưng tập thể CBCNV Công ty đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, nổ lực phấn đấu vươn lên nhằm đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ngày càng tăng cả khối lượng và chất lượng.

Thực hiện Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/06/2007 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Phương án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị thành Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị, Công ty chính thức đi vào hoạt động theo luật Doanh nghiệp kể từ ngày 19/11/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200041908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị cấp;

Ngày 05/11/2015, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 2435/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị thành công ty cổ phần.

Ngày 22/12/2015, Công ty đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 5.393.827 cổ phần, số lượng cổ phần bán đấu giá thành công là 21.300 cổ phần, giá đấu thành công cao nhất là 10.000 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01/04/2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3200041908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 với số vốn điều lệ là 179.592.270.000 đồng.

Ngày 04/08/2016, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo công văn số 5069/UBCK-GSĐC.

Ngày 09/09/2016, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 2139/QĐ-UBND về việc Điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành của phương án cổ phần hóa Công ty

TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị chuyển sang Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị. Theo đó, vốn điều lệ mới của Công ty là 182.332.690.000 đồng.

Ngày 16/11/2016, Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Trị được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200041908 thay đổi lần thứ ba với số vốn điều lệ là 182.332.690.000 đồng.

Ngày 23/11/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 151/2016/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán "NQT" cho Công ty.

Ngày 02/12/2016, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận giao đăng ký giao dịch 18.233.269 cổ phiếu theo Quyết định số 792/QĐ-SGDHN

Ngày 09/12/2016 là ngày giao dịch đầu tiên 18.233.269 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- ***Ngành nghề kinh doanh:***

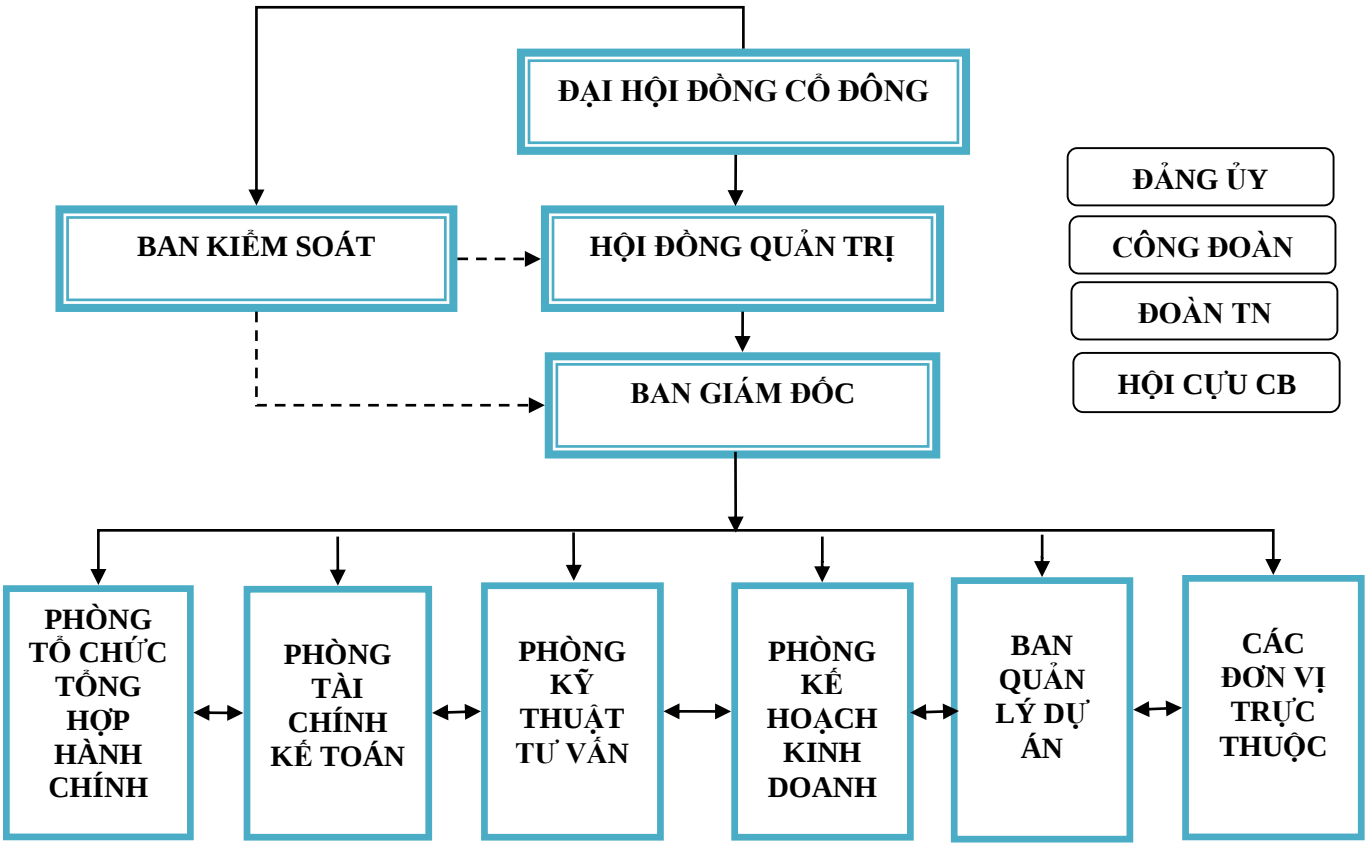
– Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
– Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
– Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
– Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp;
– Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
– Sản xuất các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng;
– Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên nganhhf cấp thoát nước và xây dựng;
– Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước.

- ***Địa bàn kinh doanh:*** tỉnh Quảng Trị.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

Sơ đồ 1: Mô hình quản trị Công ty



Chú thích:

Chỉ đạo trực tiếp: ⟶

Chỉ đạo chức năng: - - - ⟶

Quan hệ phối hợp: ⟷

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- ***Đại hội đồng cổ đông:***

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.

- ***Hội đồng quản trị:***

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- ***Ban kiểm soát:***

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

- ***Giám đốc:***

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- ***Phó Giám đốc:***

Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc.

- ***Phòng Tổ chức – Hành chính:***

Tham mưu công tác tổ chức quản lý các hoạt động SXKD, quản lý nguồn nhân lực, xây dựng các mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động. Tổ chức việc thực hiện các chính sách: tiền lương, thu nhập, định mức lao động, bảo hộ lao động, chính sách bảo hiểm cho người lao động theo quy định của điều lệ công ty và pháp luật;

Tổng hợp, quản trị hành chính, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc, phục vụ sự quản lý tập trung thống nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành mọi mặt công tác của công ty, giúp việc trực tiếp cho Ban lãnh đạo công ty và là đầu mối thông tin liên lạc trong quan hệ công tác giữa Ban lãnh đạo công ty với các đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân khác.

- ***Phòng Tài chính kế toán:***

Thực hiện công tác quản lý tài chính và nghiệp vụ kế toán đúng quy định của pháp luật;

Phản ánh chính xác, trung thực, khách quan, đúng với từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh của từng thời điểm trong từng đơn vị kế toán; Lập báo cáo tài chính doanh nghiệp đúng tiến độ và tự chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Công ty, trước pháp luật về số liệu báo cáo;

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên về BCTC của các đơn vị trực thuộc Công ty nhằm giúp Ban lãnh đạo công ty kịp thời phát hiện và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động quản lý kinh tế, kiểm tra và hướng dẫn sự tuân thủ các chế độ tài chính, kế toán trong quản lý vốn, tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí và phân tích, đánh giá tình hình tài chính của Công ty cũng như của từng đơn vị thành viên trực thuộc.

- ***Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:***

Tham mưu Ban lãnh đạo công ty thực hiện công tác quản lý hoạt động SXKD trong phạm vi, ngành nghề kinh doanh của Công ty;

Xây dựng chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty;

Lập kế hoạch đầu tư và xây dựng, tổ chức quản lý các dự án đầu tư và xâu dựng công trình theo phân cấp.

- ***Phòng Kỹ thuật – Tư vấn:***

Quản lý công tác kỹ thuật, tư vấn phục vụ hoạt động khai thác, sản xuất nước sách và đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đảm bảo chất lượng sản phẩm và chất lượng công trình đúng quy định của pháp luật;

Phối hợp thực hiện công tác quản lý nguồn nước, an toàn sản xuất, vệ sinh môi trường tại các nhà máy, công trình, dự án;

Tổ chức công tác nhận diện dự án, lập báo cáo đầu tư, tìm kiếm nguồn tài trợ đảm bảo cho sự phát triển của doanh nghiệp và quy hoạc chung của địa phương.

- ***Ban Quản lý dự án:***

Tham mưu, quản lý điều hành các dự án đầu tư xây dựng các công trình từ nguồn vốn vay, tài trợ, hỗ trợ và các nguồn vốn có yếu tố bên ngoài và các công trình Công ty giao trực hiện theo quy định của pháp luật.

- ***Các đơn vị trực thuộc, bao gồm:***

Xí nghiệp nước sạch Đông Hà – Địa chỉ: Đường Trần Bình Trọng, Khu phố 7, phường 3- Tp Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị.

Xí nghiệp Xây lắp – Địa chỉ: Xã Cam An – huyện Cam Lộ - Tỉnh Quảng Trị

Xí nghiệp nước sạch Đường 9 – Địa chỉ: Khóm 3B,Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hoá.

Xí nghiệp nước sạch Bến Hải – Địa chỉ: Số 263 Lê Duẫn, Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh - Tỉnh Quảng Trị.

Xí nghiệp nước sạch Triệu Hải – Địa chỉ: Số 11, đường Phan Bội Châu, Phường 1 - Thị xã Quảng Trị - Tỉnh Quảng Trị.

Trung tâm kiểm định đồng hồ và chống thất thoát – Địa chỉ: 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Tp Đông Hà, Quảng Trị.

❖ **Vị trí chức năng các đơn vị trực thuộc:**

- Các đơn vị trực thuộc do công ty tổ chức thành lập, thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo phạm vi và lĩnh vực kinh doanh của công ty trên địa bàn quản lý nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành; nâng cao chất lượng sản phẩm; phát triển SXKD đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hang trên địa bàn.

- Xí nghiệp trực thuộc công ty có con dấu, tài khoản riêng, hạch toán theo hình thức báo sổ trên cơ sở định mức khoán của công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

❖ **Nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc:**

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn hoạt động của Xí nghiệp;

- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuận cấp, thoát nước theo phạm vi được phân công;

- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp, thoát nước, các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi thuộc phạm vi hoạt động của Công ty.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: không có.
- Công ty liên kết: không có.

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Hoàn thành mục tiêu Chính phủ đề ra cho hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Tập trung hơn nữa công tác hoàn thiện bộ máy, nâng cao trình độ công nghệ để phát triển hệ thống cấp nước đô thị, đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cấp nước nói chung và Công ty nói riêng phát triển trong tương lai.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- **Về trung hạn:**

Tập trung đầu tư phát triển những ngành nghề liên quan đến lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty; từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực tư vấn, xây lắp chuyên ngành nước.

Tập trung đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch, đảm bảo phấn đấu tỷ lệ tăng trưởng 8-10% năm và phấn đấu đạt được ở mức cao hơn.

Từng bước ứng dụng công nghệ tiên tiến theo hướng tự động hóa trong sản xuất và quản trị mạng, hướng tới mục tiêu cấp nước an toàn vào năm 2025. Đẩy mạnh công tác chống thất thu, thất thoát nước và phấn đấu giảm thiểu thất thoát nước về mức tối đa.

Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt giá nước sạch 01 năm/01 lần theo lộ trình để tiến tới giá nước được tính đúng, tính đủ; vận hành theo cơ chế thị trường.

Tiếp tục lấy nhiệm vụ thi công xây lắp công trình làm trọng tâm trong việc phát triển mạng lưới cấp nước và khách hàng.

Đẩy mạnh lĩnh vực tư vấn thiết kế.

Đầu tư hơn nữa cho công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành nhằm làm chủ các công nghệ sản xuất nước sạch hiện đại.

- **Về dài hạn:**

Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thông cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu là công ty hàng đầu của Tỉnh về hoạt động cấp nước và thi công các công trình cấp nước.

Chuyên môn hóa cao theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh, dịch vụ, không ngừng nâng cao cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Phát triển công nghệ sản xuất và quản lý hiện đại.

Nâng cao uy tín, vị thế và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

5. Các rủi ro

- ***Rủi ro kinh tế:***

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội", kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới

- ***Rủi ro ngành:***

Sản xuất nước là một ngàng đặc thù, đòi hỏi tiêu tốn nhiều năng lượng và hóa chất cho phục vụ sản xuất. Điện năng chiếm một chi phí lớn trong chi phí của công ty. Giá bán lẻ điện hàng năm thường được điều chỉnh tăng sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận của công ty.

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống đã xuống cấp do được đầu tư trong thời gian dài chưa được thay thế hết hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm vỡ đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo. Đường ống đã được đầu tư và sử dụng trong thời gian dài nên chất lượng đã xuống cấp, tiềm tàng nguy cơ vỡ ống rất lớn.

Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Giá nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử

dụng nước bằng cách ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực liên quan trong phạm vi cả nước. Với khung giá nước được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem làm hạn chế trong việc đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận cho các doanh nghiệp cấp nước.

Chiến lược phát triển ngành cấp nước đến năm 2025 là Việt Nam hướng tới xây dựng một thị trường cấp nước cạnh tranh hơn bằng cách xã hội hóa ngành cấp nước. Khi đó tất yếu sẽ xảy ra sự cạnh tranh giữa những doanh nghiệp cấp nước về mức giá bán và chất lượng cung cấp. Tuy nhiên, việc xây dựng một thị trường như vậy là một quá trình lâu dài, có thể mất khoảng 15 – 20 năm theo lộ trình ngành cấp nước.

Cùng với sự khó khăn chung của nền kinh tế cả nước, Công ty cũng chịu tác động về tăng trưởng kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 gây ra. Cụ thể, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định miễn giảm tiền nước cho các hộ nghèo, cận nghèo và các cơ sở làm khu cách ly.

- ***Rủi ro luật pháp:***

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán, Thông tư 155/2015/TT-BTC; Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự thường xuyên phân công cán bộ theo dõi sát sao và cập nhật các quy định pháp luật mới có liên quan đến ngành nghề, thị trường của mình nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty thực hiện đúng theo pháp luật và dự báo khả năng phải thay đổi để đáp ứng với các yêu cầu mới.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 – 2020

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.721.086.103	118.152.584.044
Lợi nhuận gộp	38.667.781.831	42.384.983.195
Lợi nhuận thuần	16.523.656.511	18.509.918.095
Lợi nhuận khác	(3.791.874.110)	(3.965.463.258)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.731.782.401	14.544.454.837
Lợi nhuận sau thuế	9.067.934.055	12.362.951.214

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC kiểm toán năm 2020)

– **Cơ cấu doanh thu:**

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2019-2020

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2020 (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần từ HĐSXKD	121.721.086.103	96,78	117.540.529.944	95,11
Doanh thu hoạt động tài chính	2.891.501.645	2,30	3.111.960.708	2,52
Thu nhập khác	1.162.445.917	0,92	2.936.440.294	2,38
Tổng doanh thu	**125.775.033.665**	**100**	**123.588.930.946**	**100**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC kiểm toán năm 2020)

– Cơ cấu chi phí:

Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2019-2020

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2020 (đồng)	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	83.053.304.272	73,47	75.155.546.749	68,92
Chi phí tài chính	2.668.280.920	2,36	2.391.754.343	2,19
Chi phí bán hàng	13.211.298.770	11,69	13.788.149.885	12,64
Chi phí QLDN	9.156.047.275	8,10	10.807.121.580	9,91
Chi phí khác	4.954.320.027	4,38	6.901.903.552	6,33
Tổng chi phí	**113.043.251.264**	**100**	**109.044.476.109**	**100**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC kiểm toán năm 2020)

2. Tổ chức và nhân sự

- **Danh sách ban điều hành:**

Bảng số 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành tính đến ngày 31/12/2020

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Văn Tư	Giám đốc Công ty
2	Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc Công ty
3	Lê Thành Ty	Phó Giám đốc Công ty
4	Lê Thị Lưu	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán; Kế toán trưởng.

▪ Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên	**:**	**LÊ VĂN TƯ**
Số CMND	:	197024551. Ngày cấp: 30/7/2010, tại Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	25/5/1974
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hải Phú, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Xã Hải Phú, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại		Xã Hải Phú, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0233 3852398
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ cơ sở hạ tầng; Kỹ sư cấp thoát nước; Cử nhân Luật,
Quá trình công tác:		
Từ 6/1994 đến 09/1996	:	*Công nhân trực tiếp sản xuất Công ty cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 10/1996 đến 09/2001	:	*Công ty cử đi học và tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội*
Từ 10/2001 đến 01/2002	:	*Công ty cử đi làm việc (theo chế độ học việc) tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng cấp thoát nước và môi trường - Vinaconex*
Từ 02/2002 đến 01/2006	:	*Cán bộ kỹ thuật phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 25/01/2006 đến 09/2007	:	*Phó Giám đốc, quyền giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và gia công cơ khí Đông Hà thuộc Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị.*
Từ 10/2007 đến 10/2008	:	*Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và gia công cơ khí Đông Hà thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và xây dựng Quảng Trị*

Từ 11/2008 đến 12/2008	:	*Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 12/2008 đến 07/2013		*Thành viên Hội đồng thành viên, Phó giám Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 08/2013 đến 03/2016	:	*Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 04/2016 đến nay	:	*Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị*
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	*Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Nước sạch Quảng Trị*
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.100 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao và hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	**:**	**TRẦN VĂN HỢI**
Số CMND	:	191118187 Ngày cấp: 04/04/2017 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	13/6/1971
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh

Quê quán	:	Xã Trung Hải, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Khu phố 2, Phường Đông Lương, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Khu phố 2, Phường Đông Lương, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0233 3852398
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
Quá trình công tác:		
Từ 02/1994 đến 01/2006	:	*Nhân viên kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 02/2006 đến 11/2007	:	*Phó trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 12/2007 đến 11/2012	:	*Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 12/2012 đến 10/2014	:	*Giám đốc Xí nghiệp cấp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 11/2014 đến 03/2016	:	*Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 04/2016 đến nay	:	*Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị*
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	*Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty*
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.100 cổ phiếu – chiếm 0,04% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (Vợ)	:	3.500 cổ phần; Chiếm 0,02% vốn điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao và hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	**:**	**LÊ THÀNH TY**
Số CMND	:	197212409 Ngày cấp: 24/9/2013 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	24/12/1967
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Ninh Tiến, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Hộ khẩu thường trú	:	Khu phố 8, Phường I, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Khu phố 8, Phường I, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0233 3 852.398
Dân tộc	:	Kinh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:		
Từ 10/1988 đến 06/1990	:	*Công nhân Công ty thuộc Sở xây dựng Bình Trị Thiên tại Tỉnh Quảng Trị*
Từ 07/1990 đến 12/1997	:	*Công nhân Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 01/1998 đến 7/2001	:	*Tổ trưởng tổ sản xuất Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 08/2001 đến 11/2003	:	*Đội trưởng đội xe Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 12/2003 đến 01/2006	:	*Phó Giám đốc, quyền Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Khe Sanh thuộc Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*

Từ 02/2006 đến 5/2009	:	*Chánh văn phòng Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị*
Từ 06/2009 đến 01/2016	:	*Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp - Hành chính Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị*
Từ 02/2016 đến tháng 03/2016	:	*Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị*
Từ 04/2016 đến nay	:	*Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị*
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	*Phó Giám đốc; Người phụ trách quản trị Công ty*
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.700 cổ phiếu – chiếm 0,04 % vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	0 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao và hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	**:**	**LÊ THỊ LƯU**
Số CMND	:	191289500 Ngày cấp: 07/9/2007 tại: Công an tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	04/5/1971
Quốc tịch	:	Việt Nam

Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Triệu Phước- Huyện Triệu Phong- Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	KP10- Phường 5- Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	KP10- Phường 5- Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0912 670 668
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Đại học Tài chính kế toán
Quá trình công tác:		
Từ 1995 đến 06/2014	:	*Nhân viên Tài chính – Kế toán Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 11/2007 đến 06/2014	:	*Nhân viên Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng trị*
Từ 07/2014 đến 03/2016	:	*Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng trị*
Từ 04/2016 đến nay	:	*Phó phòng Tài chính kế toán - Phụ trách kế toán trưởng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng trị*
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	*Trưởng phòng Tài chính - kế toán; Kế toán trưởng*
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phiếu, chiếm 0,034 % vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng lương theo quy chế công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

- ***Những thay đổi ban điều hành:***
  - Ban điều hành không có sự thay đổi
- ***Số lượng cán bộ, nhân viên:***

Bảng số 5: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1. Phân theo trình độ lao động	**249**	**100%**
- Đại học và trên Đại học	80	32,13%
- Cao đẳng	13	5,22%
- Trung cấp	33	13,25%
- Sơ cấp	0	0%
- Công nhân kỹ thuật	118	47,40%
- Lao động phổ thông	5	2,00%
2. Phân theo giới tính	**249**	**100%**
- Nam	160	64,26%
- Nữ	89	35,74%

- ***Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:***
  - **Chính sách đào tạo:**

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có và các quy định của pháp luật về lao động. Công ty đào tạo, sắp xếp, sử dụng lao động tinh gọn và hợp lý, cụ thể như sau:

- Duy trì số lượng lao động như hiện tại; Tuyển dụng một số vị trí còn thiếu đáp ứng nhu cầu công việc thực tế hiện tại.
- Hoàn thiện thể chế về quản trị doanh nghiệp; xây dựng lại định mức lao động tiêu chuẩn công việc cho từng vị trí cụ thể.
- Công tác đào tạo và đào tạo lại và tổ chức thi nâng bậc thợ hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp, kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ gián tiếp, nâng cao bậc thợ cho người lao động trực tiếp sản xuất trong năm 2020: 61 người

- Theo chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, Xí nghiệp trực thuộc để định biên lao động và sắp xếp lao động hợp lý, tăng năng suất lao động, giảm thời gian nhàn rỗi.

▪ **Chính sách lương thưởng, trợ cấp:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Đặc biệt, trong năm 2020 có 02 sáng kiến khoa học kỹ thuật được tuyên dương và tặng thưởng đó là: Máy gia công cút nhựa HDPE D110-315 của nhóm CBCNV của Xí nghiệp xây lắp và máy khuếch đại âm dò tìm rò rỉ - Chống thất thoát nước của công nhân Lê Phước Hải.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Công tác đầu tư phát triển được lãnh đạo công ty chú trọng nhằm nâng cao năng lực cấp nước, giải quyết tình trạng thiếu hụt nước thường xuyên vào mùa khô tại thành phố Đông Hà và vùng phụ cận. Năm 2020 đã được phê duyệt nguồn vốn hơn 13,5 tỷ đồng nhằm tập trung nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh.

Tại khu vực thành phố Đông Hà và các vùng lân cận: Để đảm bảo bền vững nguồn nước cho nhà máy nước Tân Lương cấp nước cho cho khu vực Đông Hà, nhất là mùa khô hạn. Công ty đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng công trình đập dâng trên sông Vĩnh Phước và đưa vào sử dụng cuối năm 2020.

Về mặt lâu dài, nhằm đảm bảo cấp nước cho các nhà máy giai đoạn 2016 – 2025, Được sự đồng ý chủ trưởng của UBND tỉnh, Công ty đã khởi công thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tân Lương và Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Cam Lộ. Dự án được phân thành 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Nâng công suất nhà máy nước Tân Lương từ 15.000 lên 30.000 m^3/ngày; Thực hiện từ năm 2020-2022.

- Giai đoạn 2: Nâng cấp công suất nhà máy nước Cam Lộ từ 2.000 lên 12.000 m^3/ngày; Thực hiện từ năm 2023 – 2025.

Năm 2021, dự kiến triển khai thi công đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy nước thị xã Quảng Trị từ 5.500 m^3 lên 10.000m^3/ngày để đáp ứng nhu cầu cấp nước trong thời gian tới.

Thăm dò nguồn nước để bổ sung năng lực cung cấp nước cho nhà máy nước Hồ Xá.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 6: Tình hình tài chính của Công ty năm 2019 – 2020

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
Tổng giá trị tài sản	276.278.578.758	267.689.841.749
Doanh thu thuần	121.721.086.103	117.540.529.944
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.523.656.511	18.509.918.095
Lợi nhuận khác	(3.791.874.110)	(3.965.463.258)
Lợi nhuận trước thuế	12.731.782.401	14.544.454.837
Lợi nhuận sau thuế	9.067.934.055	12.362.951.214
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3,50%	3,7%

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ ngày năm 2019, BCTC kiểm toán năm 2020)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2019-2020

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2019	31/12/2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,34	2,65
Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,85	2,19
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,36	25,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	41,57	33,76
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Lần	3,73	3,47
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ)	Lần	0,44	0,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,45	10,52
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	4,67	6,25
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	3,27	4,55
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,58	15,75

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ ngày 2019, BCTC kiểm toán năm 2020)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.233.269 cổ phần.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 564.300 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	**Cổ đông Nhà nước**	01	9.298.967	51,00%
2	**Cổ đông trong nước**			
2.1	*Tổ chức*	01	7.934.102	43,52%
2.2	*Cá nhân*	302	1.000.200	5,48%
3	**Cổ đông nước ngoài**			
3.1	*Tổ chức*	0	0	0
3.2	*Cá nhân*	0	0	0
4	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**

Tổng Cộng	**304**	**18.233.269**	**100%**

(Nguồn: DSCĐ Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị chốt ngày 15/07/2020)

Bảng số 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2020

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	UBND tỉnh Quảng Trị	Số 45 – Hùng Vương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	9.298.967	51,00%
2	Công ty cổ phần Thành An	Xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	7.934.102	43,52%
Tổng cộng			**17.233.069**	**94,52%**

(Nguồn: DSCĐ Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị chốt ngày 15/07/2020)

Bảng số 10: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Đào Bá Hiếu	190349029	KP2, Phường 2, TX Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	9.300	0,051%
2	Lê Văn Tư	197024551	xã Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị	9.100	0,050%
3	Trần Văn Hợi	191118187	Phường Đông Lương, Tp Đông Hà, Quảng Trị	7.100	0,039%
4	Lê Thành Ty	197212409	Phường 1, Tp Đông Hà, Quảng Trị	6.700	0,037%
5	Nguyễn Hoạt	190917158	Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị	6.900	0,038%
Tổng Cộng				**39.100**	**0,214%**

Theo quy định Luật Doanh nghiệp, hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (từ ngày 31/03/2016 đến 31/03/2019).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị hoạt động ổn định với mức vốn điều lệ là 182.332.690.000 đồng và không tiến hành tăng vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không.

e) Các chứng khoán khác:

Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm.

Sản phẩm chính của đơn vị là sản xuất và cung cấp nước sạch. Nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm là nước và các hóa chất xử lý nước. Nguồn nước được khai thác từ nguồn nước mặt của các sông trên địa bàn và mạch nước ngầm.

Tổng lượng nguyên vật liệu chính để sản xuất sản phẩm gồm:

TT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Clo lỏng	Kg	20.877
2	Bột PAC	Kg	83.039
3	Vôi bột	Kg	90.635

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Vật liệu sản xuất nước là các hóa chất chỉ được sử dụng 1 lần. không có vật liệu tái sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Đối với hoạt động sản xuất nước, năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện năng phục vụ sản xuất nước. Trong năm 2020, điện năng tiêu thụ như sau:

- Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 7.242.452 Kw
- Điện năng tiêu thụ gián tiếp: 84.193 Kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Ngành sản xuất nước là một ngành đặc thù, sử dụng điện năng tiêu thụ lớn. Tiết kiệm chi phí điện năng để nâng cao hiệu quả SXKD là mục tiêu hàng đầu được Ban lãnh đạo đề ra

trong kế hoạch SXKD hàng năm. Trong năm 2020, mức tiêu thụ điện năng 0,44 Kw/m^3. So với năm 2019, Công ty đã tiết kiệm được chi phí điện năng là 0,11Kw/m^3.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Một số giải pháp nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ:

- Lắp đặt các tụ bù công suất phản kháng nhằm giảm tổn hao công suất của máy dẫn đến tiêu hao điện năng.

- Duy tu, bảo dưởng thường xuyên các máy móc thiết bị. Thay thế các máy bơm nước thế hệ cũ có mức tiêu hao năng lượng lớn.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước cung cấp cho Công ty chủ yếu bằng hai nguồn chính: Nguồn nước mặt từ các dòng sông và nước ngầm từ các giếng khoan.

+ Lượng nước cung cấp trong năm: 17.687.745 m^3

+ Lượng nước tiêu thụ qua đồng hồ khách hàng: 13.641.324 m^3

+ Tỷ lệ thất thoát nước: Xấp xỉ 23,2%

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty hoạt động chủ yếu là cung cấp nước sạch cho khách hàng sử dụng. Do vậy, không có nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 249 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 11: Mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Lao động bình quân (người)	276	270	270	261	249
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.700.000	9.500.000	9.400.000	9.500.000	9.500.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Công ty đảm bảo cho 249 lao động đủ việc làm và mức thu nhập ở mức cao so với mặt bằng chung của tỉnh và tăng cao so với năm trước. Thực hiện chế độ ăn ca cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức tập huấn hàng năm về vệ sinh an toàn thực phẩm cho người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ thai sản, ốm đau, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ phép. Vận động đoàn viên công đoàn quyên góp, hỗ trợ cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng định kỳ (*Các năm trước đã thực hiện đầy đủ, riêng năm 2020 không thực hiện do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19*). Tặng quà cho con CB CNV đạt thành tích trong học tập, các dịp Quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Tổ chức đào tạo tại chổ hoặc cử CB CNV đi đào tạo tại các trung tâm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB CNV

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Đào tạo, kiểm tra tay nghề và nâng bậc thợ trong thời gian 2 ngày cho 61 người lao động.
- Cử cán bộ, người lao động tham dự khóa tập huấn an toàn vệ sinh lao động trong thời gian 02 ngày cho 125 người lao động.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, cử cán bộ hoá nghiệm tham gia các khoá đào tạo cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn ISO 17025.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 12: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019-2020

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**121.721.086.103**	**118.152.584.044**
Các khoản giảm trừ	0	612.054.100
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.721.086.103	117.540.529.944
Giá vốn hàng bán	83.053.304.272	75.155.546.749
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**38.667.781.831**	**42.384.983.195**
Doanh thu hoạt động tài chính	2.891.501.645	3.111.960.708
Chi phí tài chính	2.668.280.920	2.391.754.343
Chi phí bán hàng	13.211.298.770	13.788.149.885
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.156.047.275	10.807.121.580
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**16.523.656.511**	**18.509.918.095**
Thu nhập khác	1.162.445.917	2.936.440.294
Chi phí khác	4.954.320.027	6.901.903.552
Lợi nhuận khác	(3.791.874.110)	(3.965.463.258)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.731.782.401	14.544.454.837
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.663.848.346	2.181.503.623
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**9.067.934.055**	**12.362.951.214**

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, BCTC kiểm toán năm 2020)

Đánh giá của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 được hiển thị số liệu tại bảng trên. Tình hình tài chính năm sau có mức tăng so với năm trước. Tuy nhiên, về điều kiện khó khăn chung của kinh tế cả nước. Tình hình sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt theo kế hoạch đã đề ra ở một số chỉ tiêu cơ bản..

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 13: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020

TÀI SẢN	31/12/2019 (đồng)	31/12/2020 (đồng)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**116.592.774.234**	**107.971.257.579**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	47.278.291.192	34.173.096.377
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	29.778.683.692	41.068.572.404
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	15.256.059.427	12.859.078.335
IV. Hàng tồn kho	24.279.739.923	18.982.425.086
V. Tài sản ngắn hạn khác	0	888.085.377
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**159.685.804.524**	**159.718.584.170**
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II. Tài sản cố định	154.513.012.319	151.782.162.888
1. TSCĐ hữu hình	154.105.456.759	151.551.607.316
2. TSCĐ vô hình	407.555.560	230.555572
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.450.630.557	6.004.837.990
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	3.722.161.648	1.931.583.292
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**276.278.578.758**	**267.689.841.749**

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, BCTC kiểm toán năm 2020)

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 14: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019-2020

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2019 (đồng)	31/12/2020 (đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	**81.121.561.381**	**67.568.744.484**
I. Nợ ngắn hạn	49.883.617.537	40.674.157.840
1. Vay và nợ ngắn hạn	5.545.935.530	5.545.935.530

2. Phải trả cho người bán	6.332.721.526	5.400.361.653
3. Người mua trả tiền trước	7.034.239.064	5.736.825.563
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.103.006.891	951.144.487
5. Phải trả người lao động	16.673.434.523	12.172.351.467
6. Chi phí phải trả	1.194.957.595	1.064.782.130
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.973.763.456	8.014.047.458
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.025.558.952	1.788.709.552
II. Nợ dài hạn	**31.237.943.844**	**26.894.586.644**
1. Phải trả dài hạn khác	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	30.502.640..453	24.956.704.923
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	735.303.391	1.937.881.721

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019 BCTC kiểm toán năm 2020)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Rà soát lại các Nội qui, Qui chế để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của công ty tại mọi thời điểm, bố trí sử dụng lao động hiệu quả, rà soát và sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có từ lao động quản lý đến lao động trực tiếp cho phù hợp với tình hình SXKD phức tạp. Xem xét xây dựng mô hình công ty ổn định lâu dài về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Đề ra các biện pháp thi công hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm trong hoạt động SXKD, thường xuyên phân tích đánh giá để lãnh đạo Công ty kịp thời có những quyết sách đúng đắn

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Giai đoạn 2020 – 2025, ngoài việc tiếp tục thực hiện công tác đầu tư phát triển SXKD bằng nguồn vốn khấu hao để lại và nguồn vốn sửa chữa, một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đầu tư nhằm cấp nước bổ sung cho các nhà máy đang thiếu hụt nguồn nước, Công ty đang thực hiện các dự án nhằm mở rộng công suất nhầmys, cụ thể:

– Nâng cấp công suất nhà máy Tân Lương từ 15.000m^3 /ngày.đêm lên 30.000 m^3/ngày. Đêm (Giai đoạn 2020-2022)

– Nâng cấp công suất nhà máy Cam Lộ từ 2.000m^3/ngày.đêm lên 12.000 m^3/ ngày.đêm (2023-2025)

– Nghiên cứu lập dự án bổ sung cấp nước cho Hồ Xá từ thị trấn Bến Quan, khai thác nước mặt sông Sa Lung hoặc Hồ Bảo Đài.

– Hoàn thành và phát huy hiệu quả dự án Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long - Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh và dự án Hệ thống cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng do Chính phủ Italia hỗ trợ thiết bị, vật tư ngành nước và vốn đối ứng.

– Tính toán cụ thể các phương án, phương pháp thực hiện và hiệu quả đầu tư từ dự án Phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận, định hướng bổ sung nguồn nước cho Nhà máy Đông Hà từ nguồn nước mặt sông Hiếu khi đập ngăn mặn trên sông Hiếu được triển khai xây dựng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép, góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhìn chung, người lao động trong công ty có trình độ chuyên môn, năng lực công tác; có tinh thần trách nhiệm, gắn bó với công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Đội ngũ cán bộ trẻ đông, được đào tạo cơ bản, đầy nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm. Tuy nhiên còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn;

Cơ cấu lao động hiện nay dần tinh gọn; lao động gián tiếp chiếm tỷ lệ thấp tại các đơn vị trực thuộc;

Trình độ tay nghề của người lao động chưa gắn với thực tế sản xuất, nhất là đối với số có bậc thợ cao.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc: tham gia ủng hộ đồng bào bị thiên tai bảo lụt, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ quỹ vì người nghèo do các cấp chính quyền phát động.. Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã và đang triển khai Dự án Cung cấp các dịch vụ vệ sinh cấp cộng đồng cho dân nghèo đô thị do Tổ chức Định cư con người của Liên Hợp Quốc (UN-HABITAT) tài trợ.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn bởi dịch bệnh Covid-19 và thiên tai lụt, bảo triền miên gây thiệt hại và ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị giao cho. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông. Tuy nhiên, có một số mặt vẫn chưa hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ban hành các chính sách hợp lý, ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ cấp nước. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế toàn cầu.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- ***Những việc đã làm được:***

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- ***Những hạn chế cần khắc phục:***

Cần làm tốt hơn công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý.

Việc hướng dẫn quán triệt thực hiện triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quy chế nội bộ chưa sâu, rộng nên một số cá nhân trong đội ngũ cán bộ quản lý chưa nghiêm túc thực hiện.

- HĐQT đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình tác nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và mô hình hoạt động của công ty. Ban hành sửa đổi một số quy trình tác nghiệp để phù hợp với thực tiễn hoạt đồng SXKD. Tuy nhiên một số đơn vị, phòng ban chưa bám sát để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ.

- Công tác kiểm tra, giám sát còn chưa kịp thời thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Công ty cần có các định hướng, kế hoạch hoạt động cụ thể đồng thời phải chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tế. Với mục tiêu tập trung phát triển SXKD, phấn đấu giữ vững tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 5-8%, thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo hài hòa lợi ích doanh nghiệp và người lao động. Trước bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của công ty năm 2021 và giao công ty xây dựng kế hoạch cụ thể để trình Đại hội cổ đông như sau:

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của công ty tiếp tục ổn định và phát triển, Cụ thể:

+ Tổng giá trị thực hiện: 148,14 tỷ đồng

Trong đó: - Giá trị nước máy: 119,46 tỷ đồng

- XDCB-LDCN khác: 28,67 tỷ đồng

+ Nước máy hàng hoá: 14,36 triệu m3

+ Tỷ lệ thất thoát bình quân: ≤ 18%

+ Đơn giá bình quân: 8.316 đ/m3

+ Phát triển Khách hàng: 1.670 hộ

2. Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành, đảm bảo hoạt động công ty phát triển, hiệu quả;

3.Tăng cường kiểm tra, giám sát các nghị quyết, quy chế của HĐQT

4. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ

5. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ của công ty và Quy chế quản lý nội bộ về quản trị Công ty.

6. Nghiên cứu, xây dựng phương án thoái vốn Nhà nước tại công ty, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tân Lương và nhà máy nước Cam Lộ.

7. Trình các cấp có thẩm quyền phương án điều chỉnh giá nước trong năm 2021 nhằm đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất kinh doanh.

8. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt thông qua đối tác trung gian và các điểm tập trung nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, giảm chi phí và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Phấn đấu đến cuối năm 2021 có trên 50% số khách hàng ở vùng đô thị thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 15: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Hoàng Văn Bình	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Lê Văn Tư	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Trần Văn Hợi	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
5	Hoàng Tiến Thành	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	:	**ĐÀO BÁ HIẾU**
Số CMND	:	190349029 Ngày cấp: 05/5/2015 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	11/07/1964
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hải Thượng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Khu phố 2, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Khu phố 2, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0233 3 852.398

Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế, ngành kế toán
Quá trình công tác		
Từ 11/1985 đến 09/1990	:	*Cán bộ Công ty khai thác chế biến XNK lâm sản Việt - Lào trực thuộc tỉnh Quảng Trị*
Từ 01/1991 đến 05/1995	:	*Phó giám đốc, phụ trách Xí nghiệp Liên doanh lâm nghiệp 19/5 trực thuộc Công ty khai thác chế biến XNK lâm sản Việt – Lào*
Từ 06/1995 đến 07/1996	:	*Công ty giải thể bản thân đ/c nghỉ chờ chuyển công tác*
Từ 08/1996 đến 11/2000	:	*Nhân viên Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 12/2000 đến 08/2001	:	*Phó giám đốc Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 9/2001 đến 04/2003	:	*Quyền giám đốc Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị*
Từ 5/2003 đến 11/2007	:	*Trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 12/2007 đến 07/2013	:	*Phó giám đốc công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 8/2013 đến 03/2016	:	*Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị*
Từ 04/2016 đến nay		*Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị*
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	*Chủ tịch Hội đồng quản trị*
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.300 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 9.298.967 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	**:**	**HOÀNG VĂN BÌNH**
Số CMND	:	197113071 Ngày cấp: 09/11/2017 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05/10/1960
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0913 499 140
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thành An
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu. – Số cổ phần đại diện phần vốn nhà đầu tư (Công ty cổ phần Thành An): 7.934.102 cổ phiếu, chiếm 43,52% vốn điều lệ.
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	:	**LÊ VĂN TƯ**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên	:	**TRẦN VĂN HỢI**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên	:	**HOÀNG TIẾN THÀNH**
Số CMND	:	197246523 Ngày cấp: 28/02/2018 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	16/11/1989
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0906 426 789
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu.
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

1. Thành lập Tiểu ban chính sách phát triển Công ty bao gồm:

- Ông: Hoàng Văn Bình - Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban
- Ông: Đào Bá Hiếu - Chủ tịch HĐQT - Ban viên
- Ông: Lê Văn Tư - TV HĐQT - Giám đốc Công ty - Ban viên
- Ông: Trần Văn Hợi - TV HĐQT - P.Giám đốc Công ty - Ban viên
- Ông: Nguyễn Nam Hải - Trưởng phòng KHKD - Ban viên
- Ông: Trần Quỳnh - Trưởng phòng KTTV - Ban viên

2. Thành lập Tiểu ban Nhân sự và lương, thưởng của Công ty bao gồm:

- Ông: Lê Văn Tư - TV HĐQT - Giám đốc Công ty - Trưởng ban
- Ông: Hoàng Tiến Thành - TV HĐQT - Ban viên
- Ông: Lê Thành Ty - P.Giám đốc Công ty - Ban viên
- Bà: Lê Thị Lưu - Kế toán trưởng - Ban viên
- Ông: Nguyễn Thanh Phương - Trưởng phòng TCTHHC - Ban viên

3. Thành lập Tiểu ban kiểm tra nội bộ bao gồm:

- Ông: Đào Bá Hiếu - Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban
- Ông: Phạm Quốc Toàn – Phụ trách BKS - Ban viên
- Bà: Nguyễn Thị Thanh Nga - TV BKS - Ban viên
- Ông: Nguyễn Đăng Tú - TV BKS - Ban viên
- Ông: Trần Việt Cường - Phó phòng TCTHHC - Ban viên

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng. HĐQT đã điều hành linh hoạt hoạt động SXKD để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị đã có quyết định về việc phân công nhiệm vụ các thành viên nhằm xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cá nhân trong HĐQT

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ, các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định nhằm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc triển khai thực hiện trong toàn công ty. Năm 2020, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham gia dự họp của các phòng ban có liên quan

- Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

- Ban hành sửa đổi quy chế khoán, các quy định phù hợp với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

- Phối hợp tốt với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị hoạt động có sự phân công nhiệm vụ cụ thể và phối kết hợp trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Vậy, không có sự độc lập trong Hội đồng quản trị.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

TT	*Họ và tên*	*Chức danh*
1	Đào Báo Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Văn Bình	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lê Văn Tư	Thành viên HĐQT, Giám đốc
4	Trần Văn Hợi	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
5	Hoàng Tiến Thành	Thành viên HĐQT

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 16: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Quốc Toàn	Phụ trách kiểm soát
2	Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Thanh Nga	Ủy viên Ban Kiểm soát

- **Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:**

Họ và tên	:	**PHẠM QUỐC TOÀN**
Số CMND	:	197110723 Ngày cấp: 28/3/2006 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03/02/1964
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	KP1, Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	KP1, Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	KP1, Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị
Điện thoại	:	0914 079 747
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phụ trách Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng lương và thù lao theo quy chế của Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	:	**NGUYỄN ĐĂNG TÚ**
Số CMND	:	197070354 Cấp ngày 18/04/2019 tại: Công an Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	23/10/1981
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	:	Khu phố 11, Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Khu phố 11, Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị
Điện thoại	:	0919 100 555
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:		
Từ 2005 đến 04/2008	:	*Nhân viên kế toán Ban QLDA – Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị*
Từ 04/2008 đến 05/2012	:	*Kế toán xí nghiệp cấp nước Bến Quan, Trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị*
Từ 06/2012 đến 03/2016	:	*Kế toán Ban QLDA đầu tư phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận, thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị*
Từ 04/2016 đến nay	:	*Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Kế toán Ban QLDA Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị*
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	*Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán Ban QLDA Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị*

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	2.900 Cổ phần, chiếm 0,015% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan (Vợ đang làm việc tại Công ty)	:	2.600 Cổ phần, Chiếm 0,014% vốn điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế của Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	**:**	**NGUYỄN THỊ THANH NGA**
Số CMND	:	197149745 Ngày cấp: 22/9/2016 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	03/02/1983
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Hải Vĩnh, Hải Lăng, Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Khu phố 8 phường 5 Thành phố Đông Hà- Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Khu phố 8 phường 5 Thành phố Đông Hà- Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0918 209 579
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế, ngành kế toán
Quá trình công tác		
Từ 12/12/2005 - 15/4/2008	:	Nhân viên kế toán Xí nghiệp cấp nước Gio Linh - Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị (Nay là Công ty CP nước sạch Quảng Trị)

Từ 16/4/2008 - 22/3/2010	:	Nhân viên Kế toán Ban QLDA, Trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị (Nay là Công ty CP nước sạch Quảng Trị)
Từ 23/3/2010 - 11/7/2011	:	Nhân viên Thu ngân Xí nghiệp Kinh Doanh Nước Sạch Đông Hà
Từ 11/7/2011 đến nay	:	Nhân viên Kế toán Xí nghiệp Kinh Doanh Nước Sạch Đông Hà
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	*Thành viên Ban kiểm soát*
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phiếu, chiếm 0,0015% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (Chồng đang làm việc tại Công ty)	:	3.500 cổ phiếu, chiếm 0,019% vốn điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Giám sát việc thực hiện các Quy chế của HĐQT và và các Quyết định của Ban giám đốc trong năm 2020.

Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 17: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT chi trả trong năm 2020

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng, Thu nhập khác	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	555.245.120		555.245.120
2	Hoàng Văn Bình	Phó chủ tịch HĐQT	47.478.861	37.816.700	85.295.561
3	Lê Văn Tư	TV HĐQT, Giám đốc	487.703.410		487.703.410
4	Trần Văn Hợi	TV HĐQT, P. Giám đốc	546.026.055		546.026.055
5	Lê Thành Ty	Phó Giám đốc	544.447.452		544.447.452
6	Hoàng Tiến Thành	Thành viên HĐQT	39.479.352	34.378.500	73.857.852
7	Phạm Quốc Toàn	Phụ trách BKS	39.203.114	31.070.700	70.273.814
8	Nguyễn Đăng Tú	TV Ban KS	218.150.855	25.056.000	243.206.855
9	Nguyễn Thị Thanh Nga	TV Ban KS	198.668.707	25.056.000	223.724.707
10	Hồ Thị Kim Liên	Thư ký HĐQT	303.632.081	25.056.000	328.688.081

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Thực hiện báo cáo tình hình quản trị công ty theo định kỳ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư giá Việt Nam. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ http://qtwaco.vn/

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 3200041902 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ TỈNH QUẢNG TRỊ

Đào Bá Hiếu
Chủ tịch HĐQT

Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị

Digitally signed by Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị
DN: cn=Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị gn=Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị c=VN Vietnam l=VN Vietnam
Reason: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị
Location:
Date: 2021-04-02 08:24+07:00